

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

PRAVANA\_PRA SILVER PEARL CONDITIONER 10OZ\_2649528

Số sửa đổi

Ngày phát hành

June 27, 2020



## Phần 1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Tên sản phẩm	PRAVANA_PRA
Các cách khác để xác định lai lịch	6/27/2020
Sử dụng được khuyến cáo	0
Hạn chế sử dụng	
Nhà sản xuất	Henkel Corporation One Henkel Way Rocky Hill, CT 0606 Internet: www.henkel-northamerica.com
Ngày thẩm định	4/14/2020
<u>Trong trường hợp khẩn cấp</u>	1-888-689-9082
<u>Giao thông vận tải khẩn cấp</u>	Contact: CHEMTREC 1-800-424-9300 [US/Canada 24 Hours]

## Phần 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Tổng quan cấp cứu Tình trạng OSHA/HCS Mức xếp loại nguy hiểm  
DỰ KIẾN SẼ KHÔNG GÂY ẢNH HƯỞNG BẤT LỢI ĐÁNG KỂ VỚI SỨC KHỎE NẾU TUÂN THỦ CÁC HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG ĐƯỢC KHUYẾN CÁO.

Tình trạng OSHA/HCS	Mặc dù tài liệu này không được coi là nguy hiểm bởi Truyền thông Nguy hiểm OSHA Tiêu chuẩn (29 CFR 1910.1200), SDS này chứa thông tin có giá trị quan trọng đối với xử lý an toàn và sử dụng đúng cách của sản phẩm. SDS này nên được giữ lại và có sẵn cho nhân viên và những người dùng khác của sản phẩm này.
Mức xếp loại nguy hiểm	Không phân loại. Tỷ lệ hỗn hợp chứa (các) thành phần có độc tính qua miệng chưa biết: 37.6% Tỷ lệ hỗn hợp chứa (các) thành phần có độc tính qua da chưa biết: 37.6% Tỷ lệ hỗn hợp chứa (các) thành phần có độc tính qua hít thở chưa biết: 37.6%
<u>Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)</u>	

Từ cảnh báo	Không có từ cảnh báo.
Cảnh báo nguy cơ	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
<u>Các công bố về phòng ngừa</u>	Đọc kỹ nhãn trước khi sử dụng. Tránh xa tầm với của trẻ em. Nếu cần tư vấn về y học, tham khảo thùng chứa hoặc nhãn sản phẩm.
Tổng quát	
Ngăn chặn	Không áp dụng.
Phản ứng	Không áp dụng.
Lưu trữ	Không áp dụng.
Xử lý	Không áp dụng.
Nguy hiểm chưa được phân loại khác	Không biết chất nào.

## Phần 3. Thông tin về thành phần các chất

Chất/pha chế	Hỗn hợp	
Tên	%	Số CAS
Alcohols, C16-18	4 - 6 pct	67762-27-092201-88-2
Quaternium-87	3 - 5 pct	

Nồng độ nào biểu thị dưới dạng khoảng là để bảo mật thông tin hay do sự biến đổi của lô.  
Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này.  
Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

## Phần 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

<u>Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết</u>	
Tiếp xúc mắt	Nếu tiếp xúc, dùng nhiều nước rửa mắt ngay ít nhất trong 15 phút. Có thể gây dị ứng mắt.
Hít phải	Di chuyển người bị ảnh hưởng ra chỗ thoáng khí.
Tiếp xúc ngoài da	Tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại với da hoặc màng nhầy có thể dẫn đến các triệu chứng kích thích, chẳng hạn như đỏ, phỏng rộp, viêm da, vv Ngừng sử dụng sản phẩm. Áp dụng nén lạnh vào các khu vực bị ảnh hưởng để giảm bớt sự khó chịu. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích vẫn còn.
Nước phải	Cho người còn tỉnh uống vài ly nước hay sữa. Không được ép nôn ra. Phải có chăm sóc y tế nếu hậu quả sức khỏe có hại không giảm hay nặng.
<u>Thể hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và dự</u>	
Lưu ý đối với bác sĩ điều trị	Nếu hít phải sản phẩm phân hủy trong đám cháy, triệu chứng có thể xuất hiện muộn. Người bị phơi nhiễm cần được theo dõi y tế trong 48 giờ.
Điều trị cụ thể	Không đòi hỏi điều trị
Bảo vệ nhân viên sơ cứu	Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng.

Xem thông tin độc tính (phần 11)

## Phần 5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

### Phương tiện dập tắt

Các chất chữa cháy phù hợp Dùng chất dập tắt lửa thích hợp với ngọn lửa xung quanh.

Các chất chữa cháy không phù hợp Không biết chất nào.

Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất Sản phẩm phân rã donhiệt nguy hiểm Nếu cháy hay đun nóng, áp suất sẽ tăng và bình chứa có thể nổ. Các sản phẩm làm thổi rửa có thể bao gồm các vật liệu sau đây: carbon dioxide, carbon monoxide, oxit nitơ

Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy Nhanh chóng có lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng.

Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (

## Phần 6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

### Các biện pháp để phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

Cho người không phải nhân viên cấp cứu Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp.

Cho các nhân viên cấp cứu Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục “ Cho người không phải nhân viên cấp cứu”.

Đề phòng cho môi trường Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí).

### Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước.  
Khi tràn đổ, rò rỉ ở diện rộng Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương (xem Phần 13). Ghi chú: xem Phần 1 về thông tin liên hệ khẩn cấp và Phần 13 về xử lý chất thải.

## Phần 7. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

### Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn

Biện pháp bảo vệ Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8).  
Tư vấn về vệ sinh nghề nghiệp tổng quát Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này.  
Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương Cát giữ theo đúng quy định của địa phương. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại

## Phần 8. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ

### Hoa Kỳ

#### Các thông số kiểm soát

#### Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Không.

Các biện pháp kiểm soát kỹ Một hệ thống thông khí chung tốt sẽ đủ khả năng để kiểm soát mức độ phơi nhiễm của  
Kiểm soát phơi nhiễm môi Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm

#### Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

Biện pháp vệ sinh Rửa bàn tay, cánh tay, và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn  
Bảo vệ mắt Cần sử dụng kính an toàn, loại đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp

#### Bảo vệ da

Bảo vệ tay Mang găng tay thích hợp.

Bảo vệ thân thể Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy  
Biện pháp bảo vệ da khác Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc  
Bảo vệ hô hấp Dựa trên nguy cơ và khả năng phơi nhiễm, chọn một mặt nạ dưỡng khí đáp ứng tiêu

Tham khảo chính quyền địa phương về giới hạn phơi nhiễm chấp nhận.

## Phần 9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

### Bề ngoài

Trạng thái vật lý Chất lỏng. [Chất lỏng]  
Màu sắc Trong suốt. Màu trắng.  
Mùi Không mùi. Đặc tính.  
pH 5 đến 7  
Điểm sôi >100°C (>212°F)  
Điểm bùng cháy Cốc đậy kín: Không áp dụng.  
Mật độ tương đối 1.1 đến 1.2

### Sản phẩm khí dung

## Phần 10. MỨC ỒN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA

Khả năng phản ứng Không có dữ liệu thử nghiệm riêng liên quan đến khả năng phản ứng của sản phẩm này hoặc các thành phần của nó.

Tính ổn định Sản phẩm ổn định.

Khả năng gây các phản ứng nguy hại  
Tình trạng cần tránh

Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.  
Không có thông tin cụ thể gì.

Các vật liệu không tương thích

Không có thông tin cụ thể gì.

Sản phẩm phân rã có mồi nguy

Trong các điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, không được sử dụng các sản

## **Phần 11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH**

### Hoa Kỳ

#### Thông tin về các tác dụng độc

##### Độc tính cấp tính

Không có sẵn.

##### Kích ứng/Án mòn

Tên sản phẩm/thành phần  
Không có sẵn.

##### Nhạy cảm

Không có sẵn.

##### Tính đột biến

Không có sẵn.

##### Tính gây ung thư

Không có sẵn.

##### Độc tính sinh sản

Không có sẵn.

##### Độc tính gây quái thai

Không có sẵn.

##### Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm một lần)

Không có sẵn.

##### Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm lặp lại nhiều lần)

Không có sẵn.

##### Nguy hiểm bị ngạt từ nồm mửa

Không có sẵn.

Thông tin về các đường tiếp xúc có khả năng xảy ra

Không có sẵn.

##### Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

Tiếp xúc mắt

0

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Hít phải

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Tiếp xúc ngoài da

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Nuốt phải

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

##### Các triệu chứng có liên quan đến các đặc điểm lý học, hóa học, và độc tính

Tiếp xúc mắt

Không có thông tin cụ thể gì.

Hít phải

Không có thông tin cụ thể gì.

Tiếp xúc ngoài da

Không có thông tin cụ thể gì.

Nuốt phải

Không có thông tin cụ thể gì.

##### Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài

##### Phơi nhiễm ngắn hạn

Các tác dụng tức thời có

Không có sẵn.

Các tác dụng chậm có thể gặp

Không có sẵn.

##### Phơi nhiễm lâu dài

0

Các tác dụng tức thời có

Không có sẵn.

Các tác dụng chậm có thể gặp

##### Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn

Không có sẵn.

Tổng quát

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Tính gây ung thư

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Tính đột biến

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Độc tính gây quái thai

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Các ảnh hưởng về phát triển cơ thể

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Ảnh hưởng khả năng sinh sản

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

##### Các số liệu đo lường độ độc

##### Các giá trị ước tính độ độc cấp tính

Không có sẵn.

## Phần 12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Hoa Kỳ

Độc Tính

Không có sẵn.

Độ bền và khả năng phân hủy

Không có sẵn.

Khả năng tồn lưu

Tên sản phẩm/thành phần

0

Khả năng phân tán qua đất

Hệ số phân cách đất/nước (KOC)

Không có sẵn.

Hậu quả xấu khác

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

## Phần 13. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Các phương pháp thải bỏ

Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ

## Phần 14. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Quy chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật phải tuân thủ	Số UN	Tên thích hợp khi vận chuyển	Phân loại	PG* : Quy cách đóng gói	Nhãn hiệu
Phân loại DOT	Không quản lý.	-	-	-	-
Phân loại TDG	Không quản lý.	-	-	-	-
Phân Loại Mexico	Không quản lý.	-	-	-	-
Phân loại ADR/RID	Không quản lý.	-	-	-	-
Phân loại IMDG	Không quản lý.	-	-	-	-
Phân loại IATA-DGR	Không quản lý.	-	-	-	-

PG\* : 포장 그룹

## Phần 15. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT

PHẢI TUÂN THỦ

Quy định Liên Bang Hoa Kỳ

TSCA 8(a) PAIR

TSCA 8(a) CDR Exempt/Partial exemption

Bản Kê của Hoa Kỳ (TSCA 8b) (Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc): Không xác định.

Clean Water Act (CWA) 311: benzoic acid

Phần Đạo luật về Không khí Sạch 112 (b)

Không liệt kê

Các chất gây ô nhiễm không khí nguy hiểm (HAPs)

Phần Đạo luật về Không khí Sạch 602

Không liệt kê

Phần Đạo luật về Không khí Sạch 602

Không liệt kê

Danh sách DEA Hóa chất

(Hóa chất tiền chất)

Không liệt kê

Hóa chất DEA Danh sách II

Không liệt kê

(Hóa chất thiết yếu)

SARA 302/304

Thông tin về thành phần các chất

Không tìm thấy sản phẩm nào.

SARA 304 RQ

Không áp dụng.

SARA 311/312

Phân loại

Không áp dụng.

Thông tin về thành phần các chất

Tên	%	Mối nguy hóa học	Thoát áp suất đột ngột	Phản ứng	Mối nguy sức khỏe cấp thời (cấp)	Nguy cơ sức khỏe (mãn tính) đến muộn
Fatty alcohol EO sulfate-Na C12-14 2EO	5 - 10	0	0	0	0	0

Quy định tiểu bang

Bang Massachusetts

0

Bang New York

0

Bang New Jersey

0

Bang Pennsylvania

0

California Prop. 65

DỰ ÁN CALIFORNIA 65: Tuyên bố sau đây được đưa ra để tuân thủ Uống rượu an toàn California Đạo luật Cưỡng chế Nước và Độc hại năm 1986. Sản phẩm

này không được Tiểu bang California biết là gây ung thư.

Không có sẵn.

Quy định quốc tế

Danh mục của Hiệp ước về Vũ khí Hóa học các chất hóa học theo các lịch trình I, II, III

Không liệt kê.

Nghị định thư Montreal (Phụ lục A, B, C, E)

Không liệt kê.

Hiệp ước Stockholm về các chất gây ô nhiễm hữu cơ bền

Không liệt kê.

Công Ước Rotterdam về Thỏa Thuận Có Hiểu Biết Trước (PIC)

Không liệt kê.

Nghị định thư UNECE Aarhus về PÓP và các kim loại nặng

Không liệt kê.

Canada

WHMIS (Canada)

Phân loại D-2A: Chất gây hậu quả độc khác (Độc).

Canadian lists

NPRI Canadian

Các chất độc theo CEPA

Bản kê của Canada

Sản phẩm này đã được phân loại theo các tiêu chí nguy hiểm của Quy định về Sản phẩm được Kiểm soát và MSDS chứa tất cả thông tin theo Quy định về Sản phẩm được Kiểm soát.

Mexico

Phân loại

Không có thành phần nào trong hợp chất này được liệt kê.  
Không có thành phần nào trong hợp chất này được liệt kê.  
Không xác định.



## Hệ Thống Thông Tin Chất Nguy Hiểm (Hoa Kỳ)

Hệ thống thông tin vật liệu nguy hiểm (Hoa Kỳ)

Health	2
Flammability	0
Physical hazards	0

Thận trọng: Xếp hạng HMIS® dựa trên thang đánh giá 0-4, với 0 đại diện cho các rủi ro hoặc rủi ro tối thiểu và 4 đại diện cho những mối nguy hiểm hoặc rủi ro đáng kể. Mặc dù xếp hạng HMIS® và nhãn liên quan là không bắt buộc trên SDS hoặc sản phẩm rời khỏi một cơ sở dưới 29 CFR 1910.1200, người chuẩn bị có thể chọn cung cấp chúng. Xếp hạng HMIS® sẽ được sử dụng với chương trình HMIS® được triển khai đầy đủ. HMIS® là nhãn hiệu dịch vụ và nhãn hiệu đã đăng ký của Hiệp hội Sơn phủ Hoa Kỳ, Inc.

Khách hàng chịu trách nhiệm xác định qui tắc sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) cho vật liệu này. Để biết thêm thông tin về các qui tắc sử dụng Thiết bị Bảo hộ Cá nhân (PPE) của HMIS®, hãy tham khảo Sổ tay Thao tác HMIS®.

Hiệp Hội Bảo Vệ Hòa Hoàn Quốc Gia (Hoa Kỳ)



In lại với sự cho phép của NFPA 704-2001, Xác định các mối nguy hiểm của vật liệu khẩn cấp

Phản hồi Bản quyền © 1997, Hiệp hội phòng cháy chữa cháy quốc gia, Quincy, MA 02269. Tài liệu in lại này là không phải là vị trí chính thức và đầy đủ của Hiệp hội phòng cháy chữa cháy quốc gia, về chủ đề được tham chiếu mà chỉ được đại diện bởi các tiêu chuẩn trong toàn bộ.

Bản quyền © 2001, Hiệp hội phòng cháy chữa cháy quốc gia, Quincy, MA 02269. Hệ thống cảnh báo này nhằm chỉ được giải thích và áp dụng bởi các cá nhân được đào tạo đúng cách để xác định các nguy cơ hỏa hoạn, sức khỏe và phản ứng của hóa chất. Người dùng được tham khảo một số lượng hóa chất giới hạn nhất định với các phân loại được khuyến nghị trong NFPA 49 và NFPA 325, chỉ được sử dụng làm hướng dẫn. Cho dù các hóa chất được phân loại bởi NFPA hay không, bất kỳ ai sử dụng hệ thống 704 để phân loại hóa chất đều tự chịu rủi ro.

Lịch sử

Ngày in	6/27/2020
Ngày phát hành/Ngày hiệu	6/27/2020
Ngày phát hành lần trước	No previous validation
Phiên bản	1.0 ed
Tham khảo	Không có sẵn.

Cho thấy thông tin đã thay đổi kể từ phiên bản phát hành trước đó.

Người đọc lưu ý

Thông tin được đưa ra ở đây là chính xác dựa trên các hiểu biết của chúng tôi. Tuy nhiên, nhà cung cấp nêu tên ở trên hay các cơ sở trực thuộc không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về tính chính xác hay đầy đủ của thông tin này.

Quyết định cuối cùng về sự phù hợp hay không của nguyên liệu nào là thuộc về trách nhiệm của người sử dụng. Tất cả những nguyên liệu có thể có những nguy hại chưa được biết đến và vì vậy cần phải được sử dụng cẩn thận. Mặc dù có một vài tác động nguy hại được nêu ở đây nhưng chúng tôi không bảo đảm rằng đây là những nguy hại duy nhất tồn tại